

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 16/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Võ Minh Khôi;

2- Ông Nguyễn Đình Dục.

Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2017/TLST-HS ngày 16/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đinh Văn C, sinh năm: 1977, tại Nho Quan - Ninh Bình;

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: thôn IK, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ học vấn (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T và bà H Thị P; có vợ là Lê Thị T (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/10/1999, Đinh Văn C có hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 26/01/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo (Đã chấp hành xong và đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 05/05/2017 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trang Thị Thùy D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978, địa chỉ: IK, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: IK, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt;

2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Mai K, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn IR, xã C, Thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đinh Xuân K, vắng mặt;

2. Anh Bùi Trịnh P, vắng mặt;

3. Cháu Đinh Văn H (sinh năm 2007), có mặt. Giám hộ cho cháu H là chị Lê Thị T (mẹ cháu H), có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Đinh Thanh H, sinh năm 1973; địa chỉ: Làng P, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00' ngày 04/5/2017, Đinh Văn C điều khiển xe mô tô đi ngang qua quán cháo vịt của anh Nguyễn Văn T tại thôn IK, xã H, huyện Đ, thì C nhìn thấy có anh Nguyễn Văn S, anh Đinh Xuân K (đều trú tại thôn IK, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) và Bùi Trịnh P (trú tại thôn P, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) đang ngồi uống rượu ở trong quán nên C đi vào chơi. Anh P có mời C uống rượu. Uống được hai ly thì C từ chối không uống nữa đứng dậy xin phép đi về trước, lúc này anh P và con của anh P là Bùi Văn Quốc T xin đi về cùng. Khi đến nhà anh P, thì anh P có rủ C chơi cờ tướng, C đồng ý và ngồi chơi đánh cờ với anh P, được một lúc thì anh S, anh K và anh Ngô Văn H (trú tại thôn IK, xã H, huyện Đ), cũng đến nhà anh P chơi thì anh K có rủ đánh bài ghi điểm (đánh bài hội) để góp tiền uống bia, nên anh S, anh Hùng và C đồng ý và cùng nhau chơi. Chơi được một ván bài thì anh S nói không đánh nữa nên mọi người nghỉ không chơi đánh bài nữa. Lúc đó, anh S có đòi C 500.000 đồng mà C đã mượn của S trước đây nhưng chưa trả thì hai bên xảy ra cãi vã và C đã mượn anh P 500.000 đồng để trả cho anh S. Nhưng hai bên vẫn tiếp tục lời qua tiếng lại với nhau và xảy ra xô xát, anh S nói với C là “Mày thất hứa với tao”, rồi dùng tay tát một cái vào mặt C, ngay lập tức C đâm lại anh S một cái vào mặt. Khi thấy như vậy, thì anh P và anh K can ngăn thì C để xe mô tô ở nhà anh P đi bộ về nhà mình (ở phía đối diện, cách nhà anh P khoảng 15 mét). C đi xuống bếp lấy hai con dao (loại dao bầu, dùng làm đồ ăn) giấu vào trong người rồi đi lên nhà trên lấy rượu ra uống, lúc này (khoảng 21h00' ngày 04/5/2017), thì anh S đi về ngang qua nhà C có gọi C qua nhà uống nước trà nói chuyện, nhưng do vẫn bức tức S nên C nói “không có anh em gì cả” và đi ra ngoài cổng nói chuyện với S hai bên tiếp tục lời qua tiếng lại và xô xát với nhau, C đã dùng tay rút một con dao đã giấu sẵn trong người ra đâm vào vùng bụng trái của anh S. S la lên “Tao bị đâm lòi ruột rồi”, mọi người nghe thấy đã đến đưa anh S đi cấp cứu. Còn C đi lấy xe mô tô và cầm theo hai con dao bỏ trốn đến khu vực thôn IM, xã G, huyện Đ thì bị lực lượng công an và một số người dân đuổi theo bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 110/TgT-TTPY ngày 11/05/2017 của Trung tâm giám định pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai kết luận: Nguyễn Văn S bị tổn thương cơ thể 88% sức khỏe.

Tại cáo trạng số 20/CTr- VKS ngày 16/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Đinh Văn C về tội “ Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn C đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cho đến nay, bị cáo chưa bồi thường cho anh Nguyễn Văn S khoản tiền nào.

Tại phiên tòa, bị hại, anh Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo C phải bồi thường cho anh các khoản như sau: Chi phí cấp cứu, điều trị thương tích: 36.000.000 đồng; Tiền tàu xe cấp cứu, điều trị: 3.800.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 30 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng/tháng = 39.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị: 161 ngày x 173.180 đồng/ngày = 27.881.980 đồng; tiền ăn trong thời gian điều trị: 66 ngày x 100.000 đồng/ngày = 6.600.000 đồng. Tổng cộng là: 113.281.980 đồng.

Đối với thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc, anh S không yêu cầu mà để cho nhưng người này trực tiếp yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận các yêu cầu bồi thường về chi phí cấp cứu, điều trị thương tích, tổn thất tinh thần, tàu xe cấp cứu, điều trị, giá ngày công lao động. Bị cáo không chấp nhận số ngày công lao động bị mất, tiền ăn trong thời gian điều trị theo yêu cầu của anh S.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu T khai anh là người chăm sóc cho anh Nguyễn Văn S tổng cộng 66 ngày. Yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản sau: thu nhập thực tế bị mất: 66 ngày x 350.000 đồng/ngày = 23.100.000 đồng; tiền ăn trong 66 ngày chăm sóc: 66 ngày x 100.000 đồng/ngày = 6.600.000 đồng. Tổng cộng là: 29.700.000 đồng.

Bị cáo không chấp nhận yêu cầu của anh T và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị T khai chị là vợ của anh S. Chị chăm sóc cho anh S 04 ngày. Yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị tiền công lao động bị mất trong thời gian chăm sóc anh S là: 4 ngày x 200.000 đồng/ngày = 800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đinh Văn C về tội “ Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999: tuyên bố bị cáo Đinh Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”, đề nghị xử phạt bị cáo C từ 6 (K) đến 7 (Bảy) năm tù.

-Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật dân sự 2015: buộc bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh

Nguyễn Văn S các khoản sau: chi phí cấp cứu, điều trị thương tích: 36.000.000 đồng; tiền tàu xe cấp cứu, điều trị: 3.800.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần: 30 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng/tháng; Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị, phục hồi sức khỏe: 150 ngày x 173.180 đồng/ngày; Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bồi thường thu nhập thực tế bị mất cho anh T 43 ngày x 173.180 đồng/ngày; bồi thường cho chị T 4 ngày x 200.000 đồng/ngày.

- Về vật chứng vụ án: đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 con dao là vật chứng của vụ án; bảo lưu chiếc xe mô tô BKS: 81P1 – 046.50 của bị cáo tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để bảo đảm thi hành án dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn C thừa nhận: Bị cáo có hành vi gây thương tích cho anh Nguyễn Văn S như nội dung cáo trạng đã nêu. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên nhân phạm tội một phần có lỗi của bị hại (bị hại đã có lời nói thách thức đối với bị cáo); bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp nên hạn chế về nhận thức; có hoàn cảnh khó khăn; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo C 5 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Văn S các khoản như sau: Chi phí cấp cứu, điều trị thương tích: 36.000.000 đồng; tiền tàu xe cấp cứu, điều trị: 3.800.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần với mức 30 tháng lương tối thiểu; thu nhập thực tế bị mất trong thời gian 90 ngày với mức 173.180 đồng/ngày; bồi thường thu nhập thực tế bị mất cho anh T trong thời gian 43 ngày x 173.180 đồng/ngày; bồi thường cho chị T 800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ để nhận định: Vào khoảng 21h00' ngày 04/5/2017, do mâu thuẫn cá nhân nên bị cáo Đinh Văn C và Nguyễn Văn S xảy ra xô xát với nhau. Đinh Văn C đã dùng con dao bầu sắc nhọn (là hung khí nguy hiểm), đâm anh S làm anh S bị thương phải đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 110/TgT-TTPY ngày 11/05/2017 của Trung tâm giám định pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai kết luận: anh Nguyễn Văn S bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tạm thời là: 88%.

Bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh S với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 88%; bị cáo thực hiện hành vi một cách cố ý; khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực hành vi đầy đủ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy, cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác đều bị pháp luật xử lý nghiêm khắc. Chỉ vì có mâu thuẫn cá nhân không thực sự nghiêm trọng mà bị cáo đã giấu sẵn dao trong người sau đó dùng dao đâm anh S. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm hại một cách bất hợp pháp đến sức khỏe của anh S; gây tổn thương cơ thể cho anh S một cách nghiêm trọng (tạm thời là: 88%). Hành vi của bị cáo còn gián tiếp gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây hoang man lo sợ trong nhân dân trên địa bàn.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người bị hại cũng có lỗi”.

Thấy rằng, trước khi gây án thì giữa bị cáo và người bị hại có xảy ra xô xát và được mọi người can ngăn. Bị cáo bỏ đi về nhà lấy 02 con dao giấu trong người với ý định nếu giữa bị cáo và anh S xảy ra đánh nhau thì bị cáo sẽ dùng dao đâm anh S. Sau đó, bị cáo đã dùng con dao giấu trong người đâm anh S. Như vậy bị cáo đã có ý định đâm anh S trước khi anh S đi ngang qua nhà bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo không có lỗi của bị hại. Do đó, đề nghị này của người bào chữa là không có căn cứ để chấp nhận.

Bị cáo có nhân thân không tốt: ngày 21/10/1999, Đinh Văn C có hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 26/01/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, nguyên nhân phạm tội, cần thiết xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn S:

Tại phiên tòa, giữa bị hại anh Nguyễn Văn S và bị cáo thỏa thuận được các khoản bồi thường sau: Chi phí cấp cứu, điều trị thương tích: 36.000.000 đồng; Tiền tàu xe cấp cứu, điều trị: 3.800.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 30 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng/tháng = 39.000.000 đồng; giá ngày công lao động bị mất là 173.180 đồng/ngày. Sự thỏa thuận này giữa bị hại và bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Các khoản bồi thường khác giữa anh S và bị cáo không thỏa thuận được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh S yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị, dưỡng thương, phục hồi sức khỏe là 161 ngày x 173.180 đồng/ngày = 27.881.980 đồng; Tiền ăn trong thời gian điều trị: 66 ngày x 100.000 đồng/ngày = 6.600.000 đồng.

Căn cứ tính chất thương tích, quá trình điều trị, chứng từ cấp cứu, điều trị cần chấp nhận thời gian điều trị, dưỡng thương, phục hồi sức khỏe của anh S là 120 ngày. Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị, dưỡng thương, phục hồi sức khỏe là 120 ngày x 173.180 đồng/ngày = 20.781.600 đồng; Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 5.000.000 đồng.

Như vậy, cần buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh S các khoản như sau: Chi phí cấp cứu, điều trị thương tích: 36.000.000 đồng; tiền tàu xe cấp cứu, điều trị: 3.800.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 39.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất 20.781.600 đồng; Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 5.000.000 đồng. Tổng cộng 104.581.600 đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường của anh Nguyễn Hữu T:

Anh T cho rằng, anh chăm sóc cho bị hại 66 ngày. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa thì thời gian anh chăm sóc cho anh S được chấp nhận là 47 ngày. Anh T có nghề nghiệp là làm nông. Anh cho rằng, một ngày công lao động của anh là 350.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập bình quân của anh là 350.000 đồng/ngày. Cần thiết lấy giá ngày công lao động phổ thông tại địa phương làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại là phù hợp. Như vậy, cần thiết buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh T tiền thu nhập thực tế bị mất là: 47 ngày x 173.180 đồng/ngày = 8.139.460 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền ăn trong thời gian chăm sóc bị hại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Trần Thị T: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và bị cáo tại phiên tòa. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị T tiền thu nhập thực tế bị mất trong 4 ngày chăm sóc cho anh S là 800.000 đồng.

[6] Xử lý vật chứng của vụ án:

- Vật chứng là 02 con dao: trong đó 01 con dao là công cụ phạm tội; 01 con dao còn lại có giá trị không lớn nên cần thiết phải tịch thu tiêu hủy cáo 02 con dao này.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 81P1 – 046.50: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT đã xác minh làm rõ do C mua lại của chị Nguyễn Thị Mai K sử dụng làm phương tiện đi lại là tài sản hợp pháp của bị cáo. Vì bị cáo chưa bồi thường khoản tiền nào. Do đó, cần phải bảo lưu tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để bảo đảm thi hành án khoản tiền bồi thường là phù hợp.

[7] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm và 5.676.053 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn C 7 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 4/5/2017.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Đinh Văn C phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn S: Chi phí cấp cứu, điều trị thương tích: 36.000.000 đồng; tiền tàu xe cấp cứu, điều trị: 3.800.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 39.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất 20.781.600 đồng; Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 5.000.000 đồng. Tổng cộng 104.581.600 đồng.

- Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường anh Nguyễn Hữu T: tiền thu nhập thực tế bị mất là: 47 ngày x 173.180 đồng/ngày = 8.139.460 đồng.

- Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị T tiền thu nhập thực tế bị mất trong 4 ngày chăm sóc cho anh S là 800.000 đồng.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự 1999, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 02 con dao, gồm: 01 (một) con dao bầu, có chiều dài 35cm, cán dao bằng đoạn le dài 12,5cm, đường kính phần rộng nhất là 3cm, đầu cán dao giáp với phần lưỡi dao được bọc bằng vòng kim loại phía bên ngoài. Phần lưỡi dao được làm bằng kim loại có chiều dài là 23cm, đầu mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm và 01 (một) con dao bầu có chiều dài 33,6cm, cán dao bằng đoạn le dài 12cm, đường kính phần rộng nhất là 2,7cm, đầu cán dao giáp với phần lưỡi dao được bọc bằng vòng kim loại phía bên ngoài. Phần lưỡi dao được làm bằng kim loại có chiều dài là

21,6cm, đầu mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,4cm, trên bề mặt lưỡi dao có hai lỗ hình tròn thấu sang hai bên, lỗ thứ nhất cách cán dao 6,4cm

- Bảo lưu 01 chiếc xe mô tô BKS: 81P1 – 046.50 số khung: 033HH133738, số máy: FMG -340033738 của bị cáo tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai để bảo đảm thi hành án cho những người bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường dân sự.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2017 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

5. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đinh Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.676.053 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm thẩm có giá ngạch để sung vào công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS,DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng

